

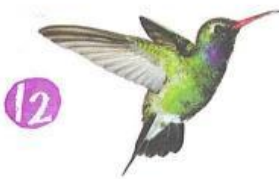
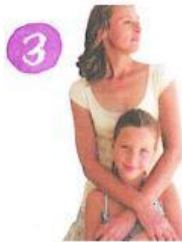
Bài 12

复习

Ôn tập

1 Hoạt động theo nhóm.

Gọi tên người, vật hoặc địa điểm dưới đây bằng tiếng Trung Quốc rồi xếp vào nhóm thích hợp bên dưới.



địa điểm

đồ ăn thức uống

người

động vật



2 Hoạt động theo cặp.

Một học sinh đặt câu hỏi với từ cho sẵn, học sinh còn lại nhìn hình và trả lời.

 hào 号	 cháng 长	 zài 在
 yǒu 有	 suì 岁	 xǐhuan 喜欢



CHINESE
多听·多听·多听

3 Khoanh tròn hình không đúng với nội dung đoạn văn.

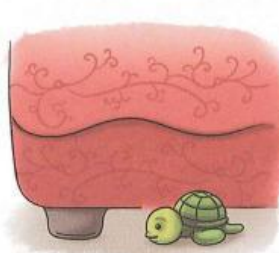
Wǒ jiā yǒu yí ge xiǎo wūguī, jiào Xiǎoxiǎo. Xiǎoxiǎo de gēzi hěn xiǎo, yǎnjīng hěn xiǎo, ài shuìjiào. Wǒ yě ài shuìjiào. Wǒ hěn xǐhuan Xiǎoxiǎo, Xiǎoxiǎo yě hěn xǐhuan wǒ.

我家有一个小 乌龟，叫 小小。小小的个子很小，眼睛很 小，爱睡觉。我也爱睡觉。我很喜欢 小小，小小 也很喜欢我。

1



2



wūguī
乌龟 rù

3



4



shuìjiào
睡觉 ngǔ